

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2021/DS-PT

Ngày 21 - 9 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng đầu tư.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thị Tuyết.

Các Thẩm phán: Ông Trần Anh Tuấn.

Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2021/TLPT-DS ngày 17/8/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đầu tư*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 140/2021/QĐ-PT ngày 18/8/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty M; địa chỉ: Thị trấn R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Văn P, chức vụ: Phó trưởng phòng Công ty M; địa chỉ: Thôn Q, xã T1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Đình K; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Hà Đình T; địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

3.2. Ông Trần Đình S; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Đỗ Thị T2; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Trần Thị T3; địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4.2. Ông Hà Văn C2; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Đình K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty M có đại diện theo ủy quyền là ông Võ Văn P trình bày:

Ngày 27/02/2017, Công ty M và vợ chồng ông Trần Đình K, bà Đỗ Thị T2 thỏa thuận ký Hợp đồng số 386/HĐĐT về việc đầu tư và thu mua mía nguyên liệu. Ngày 04/6/2019, ông K cho con trai là Trần Đình S đến trạm đầu tư số X tại thôn D, xã C, huyện Đ thuộc Công ty M để nhận 4.000kg phân bón Sông Gianh 1, tổng giá trị 41.200.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận phân, ông K không chịu thực hiện đúng các nội dung của hợp đồng mà hai bên đã cam kết. Vì vậy, Công ty M yêu cầu ông K phải có trách nhiệm trả lại cho công ty số tiền 41.200.000 đồng nợ gốc và 5.611.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 30/8/2020.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông K phải trả 5.611.000 đồng tiền lãi.

Bị đơn ông Trần Đình K trình bày:

Ông K thừa nhận vợ chồng ông có thỏa thuận với Công ty M để ký hợp đồng đầu tư và thu mua mía nguyên liệu. Tuy nhiên, ông K không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M vì ông không nhận đầu tư phân của công ty mà ông nhận phân từ ông Hà Đình T. Số lượng 4.000kg phân bón Sông Gianh 1 mà ông nhờ con trai là Trần Đình S đến trạm đầu tư số X tại thôn D, xã C, huyện Đ chở về nhằm mục đích để khấu trừ nợ tiền hai xe mía trước đây ông Hà Đình T còn nợ ông K theo Phiếu cân và nhập mía số 13094 ngày 07/5/2018 đề tên Trần Thị T3 và Phiếu cân và nhập mía số 12420 ngày 01/5/2018 đề tên Hà Văn C2. Vì vậy, ông K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Đình T trình bày:

Ông T là nhân viên của Công ty M. Thực hiện theo sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty, ngày 04/6/2019, ông T có gọi điện thông báo các hộ dân trong đó có ông Trần Đình K đến Trạm số X tại thôn D, xã C, huyện Đ thuộc Công ty M để nhận phân về đầu tư. Vì lý do công việc nên ông K đã cho con trai là Trần Đình S đến trạm số X tại thôn D, xã C để nhận 4.000kg phân bón Sông Gianh 1, tổng giá trị 41.200.000 đồng. Sau khi nhận phân xong, anh S đã ký xác nhận vào sổ của Công ty và chở phân về nhà. Ông K cho rằng ông T còn nợ hai xe mía của ông K và nhận 4.000kg phân bón Sông Gianh 1 của Công ty M để trừ nợ thì ông T không đồng ý, vì giữa ông và ông K không có mối quan hệ vay mượn và nợ nhau. Ông

K thỏa thuận ký hợp đồng đầu tư với công ty và hiện nay chưa thanh toán với Công ty M thì ông K phải có trách nhiệm trả lại cho Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình S trình bày:

Ông là con của ông Trần Đình K, ngày 14/6/2019 ông S có nhận 4.000kg phân bón Sông Gianh 1 tại Trạm số X thuộc thôn D, xã C, huyện Đ, chữ ký trong giấy nhận phân là của ông S. Sau khi ông Hà Đình T bàn giao phân, ông S dùng xe máy cày chở về nhà ông K. Ông S không liên quan gì đến tranh chấp giữa Công ty M và ông K. Ông S nghe ông K kể lại việc ông Hà Đình T có nợ hai xe mía của ông K, nên ông K bảo ông S đến chở 4.000kg phân bón Sông Gianh 1 của ông T để khấu trừ nợ. Vì lý do công việc nên ông S từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T2: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Đỗ Thị T2 vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Người làm chứng bà Trần Thị T3 trình bày: Bà T3 xác định từ trước đến nay không nhận đầu tư mía và không vay tiền của ông Trần Đình K. Quá trình sinh sống tại địa phương, bà T3 có thỏa thuận ký hợp đồng đầu tư với Công ty M. Bà T3 và Công ty M đã đối chiếu công nợ và thanh quyết toán xong, hiện nay bà và công ty không còn liên quan gì. Bà T3 không biết tại sao trên Phiếu cân nhập mía ngày 07/5/2018 lại có tên của bà T3, phiếu cân và nhập mía này không phải của bà T3 và bà không có liên quan đến phiếu cân và nhập mía này. Vì lý do công việc nên bà T3 từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người làm chứng ông Hà Văn C2 trình bày: Vụ mía năm 2017 – 2018, ông Hà Văn C2 có nhận đầu tư mía của Công ty M. Vụ mía này ông C2 đã thanh toán đầy đủ với công ty, hiện nay giữa ông và Công ty không còn nợ nhau. Ngoài ra ông C2 không nhận đầu tư và không vay tiền của ông Trần Đình K. Lý do vì sao ông C2 có tên trong phiếu cân và nhập, mía ngày 01/5/2018 thì ông không rõ, không liên quan, không tranh chấp gì đến phiếu cân và nhập mía ngày 01/5/2018. Vì lý do công việc nên ông C2 từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 184, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 351, Điều 352, Điều 434, Điều 437, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M. Buộc bị đơn ông Trần Đình K phải có trách nhiệm trả cho Công ty M số tiền 41.200.000 đồng.

Kể từ ngày 30/6/2021 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong bản án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Đình K phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi 5.611.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn ông Trần Đình K phải chịu 2.060.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty M số tiền 1.171.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0014465 ngày 14/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/7/2021, bị đơn ông Trần Đình K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty M và yêu cầu ông Hà Đình T trả cho ông K 02 xe máy.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty M giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn ông Trần Đình K giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình K; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 29/6/2021, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm. Ngày 12/7/2021, bị đơn ông Trần Đình K có đơn kháng cáo bản án sơ

thẩm. Xét kháng cáo của ông K làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Đình K, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn ông Trần Đình K thừa nhận từ năm 2017, vợ chồng ông K, bà T2 có ký Hợp đồng số 386/HĐĐT ngày 27/02/2017 về việc đầu tư và thu mua mía nguyên liệu vụ 2017-2018 với Công ty M. Theo hợp đồng, Công ty M đầu tư giống mía và phân bón để ông K, bà T2 đầu tư chăm sóc mía, đến vụ thu hoạch ông K, bà T2 giao mía cho Công ty để khấu trừ số tiền Công ty đã đầu tư ban đầu. Sau khi kết thúc vụ mía, hai bên tiến hành đối chiếu, quyết toán xác nhận công nợ với nhau. Tại khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng có nội dung: “Đối với mía trồng mới thì hợp đồng thời hạn 03 vụ, từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc vụ sản xuất năm 2019 – 2020”. Tại biên bản nghiệm thu ruộng mía ngày 23/3/2017 xác định mía của hộ ông K, bà T2 là mía trồng mới diện tích 03ha. Do đó, hợp đồng số 386 nói trên có thời hạn từ khi hợp đồng cho đến khi kết thúc vụ thu hoạch mía năm 2019 – 2020. Quá trình thực hiện hợp đồng ông K đã nhận của Công ty 4.000kg phân bón Sông Gianh 1, giá trị 41.200.000 đồng để đầu tư, đến khi thu hoạch ông K, bà T2 không giao mía cho Công ty nên Công ty đã khởi kiện yêu cầu ông K trả lại số tiền phân Công ty đã đầu tư ban đầu.

Quá trình giải quyết, ông K và anh Trần Đình S (Là con của ông K) đều thừa nhận ngày 04/6/2019, ông Hà Đình T là nhân viên của Công ty gọi điện thông báo ông K đến trạm số X, thôn D, xã C, huyện Đ nhận phân bón, nhưng ông K bận nên nhờ con là anh S đến nhận thay ông K 4.000kg phân bón Sông Gianh 1, anh S đã ký vào sổ nhận phân bón của Công ty. Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/8/2019 tại Công an xã C, ông K cho rằng khi kết thúc vụ mía, vào ngày 01/5/2018 và ngày 07/5/2018, ông K đã vận chuyển 02 xe mía nhập cho Công ty M với phiếu cân đề tên Trần Thị T3 và Hà Văn C2, nhưng sau đó Công ty không thanh toán tiền mía cho ông K, nên ông K thỏa thuận với ông T khi nào Công ty có phân thì cho ông K lấy phân để trừ vào tiền mía chưa thanh toán. Tuy nhiên, trên thực tế, số phân bón 4.000kg nói trên là tài sản của Công ty M; 02 phiếu cân mía đứng tên bà T3 và ông C2 cũng là phiếu cân của Công ty M, Công ty đã thanh toán với bà Trần Thị T3 và ông Hà Văn C2. Việc thỏa thuận giữa ông K và ông Hà Đình T không được ông T thừa nhận. Ông K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa ông K và ông Hà Đình T có thỏa thuận về việc ông T giao 4.000kg phân bón là để khấu trừ số tiền 02 xe mía ông T nợ ông K từ trước. Đồng thời, không được Công ty, ông T, bà T3, ông C2 thừa nhận. Hơn nữa, ông T, bà T3, ông C2 xác định không liên quan gì đến ông K. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Trần Đình K phải có trách nhiệm trả cho Công ty M số tiền 41.200.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Ông K kháng cáo yêu cầu ông Hà Đình T trả cho ông K 02 xe máy theo 02 phiếu căn máy ngày 01/5/2018 và ngày 07/5/2018 đề tên Trần Thị T3 và Hà Văn C2, Hội đồng xét xử xét thấy ông Trần Đình K có quyền khởi kiện ông Hà Đình T trong một vụ án khác.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình K là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên “*Kể từ ngày 30/6/2021 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong bản án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015*” là chưa chính xác, mà phải tuyên “*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất các khoản tiền, hàng tháng...*” mới đúng quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo ông Trần Đình K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình K.

Giữ nguyên bản án *dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST* ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M. Buộc bị đơn ông Trần Đình K phải có trách nhiệm trả cho Công ty M số tiền 41.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Đình K phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi 5.611.000 đồng.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Đình K phải chịu 2.060.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty M số tiền 1.171.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0014465 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Đình K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0005144 ngày 15/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk

[4] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết